

Bản án số: 409/2017/ DSST

Ngày :11-9-2017

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giàu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thu Vân

Ông Hoàng Minh Đang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Cao Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên tòa: Bà Phan Tuyết
Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 11/9/2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:175/2017/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2017/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2017/QĐST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Hồng N, sinh năm 1984.(vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 1, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Sỹ P, sinh năm 1992 theo Văn bản ủy quyền ngày 30/3/2017. (vắng mặt)

Bị đơn: Ông Đặng Xuân P, sinh năm 1982.(vắng mặt)

Địa chỉ: đường X, Phường 1, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/3/2013 bà N cho ông P vay số tiền 290.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 năm, lãi suất tự thỏa thuận. Sau đó có vay nhiều lần nhưng không lập biên nhận. Ngày 27/5/2014 hai bên lập hợp đồng cho vay tiền mới, cụ thể bà N cho ông P vay số tiền là 380.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay hai năm tính từ ngày 25/5/2014. Nay đã quá thời hạn ông P không trả tiền gốc và lãi. Bà N khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền gốc là 380.000.000 đồng và tiền lãi, lãi suất tính từ ngày 25/5/2014 đến hết tháng 3/2017 làm tròn 34 tháng, cụ thể $380.000.000 \text{ đồng} \times 34 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 129.200.000 \text{ đồng}$. Yêu cầu ông P trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Đặng Xuân P vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa nên Tòa án không thu được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân Quận 8 thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật. Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ pháp luật không vi phạm Tố tụng. Yêu cầu của bà N là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn khởi kiện của bà Trương Thị Hồng N, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn cư trú tại Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tòa án nhân dân Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại điểm e, khoản 1 điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 do ông Đặng Xuân P thay đổi địa chỉ nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ cho cơ quan có thẩm

quyền theo quy định của pháp luật về cư trú nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện.

Ông Đặng Xuân P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Bà N cho ông P vay số tiền 380.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 năm tính từ ngày 25/5/2014, lãi suất 1%/tháng, có ký hợp đồng cho vay tiền ngày 27/05/2014. Việc thỏa thuận vay tiền này có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 401, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005. Theo quy định tại Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố, tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc ngân hàng nhà nước Việt Nam thì lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm. Như vậy mức lãi suất bà N cho ông P vay được phép là 1.125 %/tháng nên các đương sự thỏa thuận lãi suất 1%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật. Ông P chưa thanh toán tiền gốc và tiền lãi cho bà N là vi phạm thỏa thuận tại Điều 2 về thời hạn vay, Điều 3 về mức lãi suất của Hợp đồng cho vay tiền ngày 27/05/2014. Vì vậy, việc bà N yêu cầu ông P thanh toán số tiền gốc 380.000.000 đồng, tiền lãi với lãi suất tính từ ngày 25/5/2014 đến hết tháng 3/2017 làm tròn 34 tháng, cụ thể $380.000.000 \text{ đồng} \times 34 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 129.200.000 \text{ đồng}$, tổng cộng 509.200.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N.

[4] Để đảm bảo quyền lợi của bên được thi hành án cần áp dụng Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong thời gian chưa thi hành án.

[5] Xét yêu cầu của bị đơn: Do bị đơn không đến Tòa nên Tòa án không thu thập được các lời khai, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng nên xét xử vắng mặt bị đơn.

[6] Theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì yêu cầu của bà N được chấp nhận nên không phải chịu án phí, ông P phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các Điều 401, Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ vào các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2009 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);
- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Hồng N.

1.1. Buộc ông Đặng Xuân P phải thanh toán cho bà Trương Thị Hồng N số tiền 509.200.000 (năm trăm lẻ chín triệu hai trăm nghìn) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện việc trả tiền như bản án đã tuyên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí:

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm là 24.368.000 (hai mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn) đồng, ông Đặng Xuân P chịu, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2 Bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.184.000 (mười hai triệu một trăm tám mươi bốn nghìn) đồng theo biên lai thu số 0027180 ngày 19/4/2017 của Chi cục thi hành án Dân sự Quận 8.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM
- VKSND Q.8
- Chi cục THA DS Q8
- Các đương sự
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Giàu